

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2018

“V/v ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm
2. Bà Võ Thị Thúy An

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Tố P, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Bùi Minh H, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa chị Đặng Thị Tố P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Anh chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, anh H không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến chị và con, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Đến tháng 01/2018 thì anh chị ly thân, anh H bỏ nhà đi cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 người con chung tên Bùi Minh H, giới tính nam, sinh ngày 26/7/2014 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận, anh chị không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Minh H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do anh H không viết bản tự khai, cố tình lẫn tránh, không hợp tác nên không tiến hành ghi lời khai của anh H để biết quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Chị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản và đưa vụ án ra xét xử.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P cho chị P được ly hôn với anh Hiền. Về con chung: Giao cháu Bùi Minh H, sinh ngày 26/7/2014 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh H là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Do đó, HĐXX áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị P xin ly hôn với anh H và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn và nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P và anh H kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị P và anh H đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo chị P trình bày thì anh H không lo làm ăn thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc chị và con. Đến tháng 01/2018 thì chị và H ly thân mỗi người sống mỗi nơi. Tại phiên tòa, chị P vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh H. Đối với anh H, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhằm để hàn gắn quan hệ

hôn nhân nhưng anh H đều vắng mặt không lý do. Điều này đã thể hiện anh H cố tình lẩn tránh, không hợp tác, không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình với chị P. Tại đơn xin xác nhận về việc thỏa thuận ly hôn đề ngày 09/4/2018 (trước ngày Tòa án thụ lý vụ án) có chữ ký của anh H có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện anh H thống nhất ly hôn với chị P. Do đó, mâu thuẫn giữa chị P và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị P cho chị P được ly hôn với anh H.

[4] *Về con chung*: Chị P và anh H có 01 người con chung tên Bùi Minh H, sinh ngày 26/7/2014, hiện cháu H đang sống với chị P. Đối với anh H, mặc dù tại Tòa án anh không có bản khai để trình bày nguyện vọng của mình về việc giải quyết con chung nhưng theo đơn xin xác nhận đề ngày 09/4/2018 có chữ ký của anh H thể hiện anh H thống nhất giao con cho chị P nuôi dưỡng. Qua xác minh ở địa phương, chị P đủ điều kiện nuôi con, hiện cháu H được nuôi dưỡng ổn định, Do đó, áp dụng Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX thống nhất giao cháu Bùi Minh H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Tài sản chung chị P và anh H tự thỏa thuận, chị P khai không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị P là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002093 ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Đặng Thị Tố P được ly hôn với anh Bùi Minh H.

2. *Về con chung:* Giao cháu Bùi Minh H, giới tính nam, sinh ngày 26/7/2014 cho chị Đặng Thị Tố P trực tiếp nuôi dưỡng (cháu H hiện đang sống với chị P), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Đặng Thị Tố P là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002093 ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt (anh Bùi Minh H) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Vũ